

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ PƯH
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ - ST
Ngày 09/5/2023
V/v Yêu cầu Hủy kết hôn trái
pháp luật, tranh chấp nuôi con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PƯH, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Ngọc Trung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Chu X Toàn
2. Ông Siu Thun Phrô

Thư ký phiên toà: Ông Phan Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai tham gia phiên toà: Bà Trịnh Thị Xây – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 137/2022/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2022, về việc: “*Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 04/2023/QĐST-HNGĐ ngày 18/4/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lệ X, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Lũh Ngó, xã IH, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Anh Phan Trọng Minh H, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn Lũh Ngó, xã IH, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn C – Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Thạch Phi L – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã ID, huyện CP, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt (*có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 21/9/2022; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ X trình bày:

Chị với anh Phan Trọng Minh H tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã ID, huyện CS (*nay là huyện CP*), tỉnh Gia Lai vào ngày 18/12/2007. Sau khi kết hôn và chung sống với nhau, cuộc sống chung của vợ chồng có hạnh phúc, sau đó giữa vợ chồng chị thường xuyên phát sinh mâu thuẫn do tính cách không hợp nhau và bất đồng về quan điểm. Anh H là người chồng, người cha vô trách nhiệm với gia đình, vợ con và không chăm lo làm ăn. Do mâu thuẫn quá trầm trọng nên vợ chồng chị đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau từ năm 2020 đến nay, giữa chị và anh H không còn tình cảm giành cho nhau. Tuy nhiên, tại thời điểm chị và anh H đăng ký kết hôn, ngày 18/12/2007, Cán bộ Tư pháp xã ID không kiểm tra giấy tờ tùy thân của chị mà chỉ căn cứ vào lời khai của chị và anh H để tiến hành đăng ký kết hôn. Bản thân chị sinh ngày 04/5/1991, nhưng khi tiến hành đăng ký kết hôn chị khai sinh ngày 04/5/1990 để được đăng ký kết hôn. Qua xác minh của Tòa án và căn cước công dân, sổ hộ khẩu của chị xác định khi kết hôn với anh H chị X mới 16 tuổi 07 tháng 14 ngày, chưa đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Nay, chị thấy tình cảm giữa vợ chồng không còn, mâu thuẫn quá trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị với anh Phan Trọng Minh H.

Về con chung: Vợ chồng chị có ba người con chung là Phan Trọng Minh H1, sinh ngày 15/8/2009; Phan Trọng Hải Đ, sinh ngày 27/07/2014 và Phan Thủy Phương U, sinh ngày 13/01/2011. Do anh H không đồng ý nuôi con nên chị muốn được nhận nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục tất cả các con chung. Do anh H không có công việc và thu nhập ổn định nên chị không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Đề nghị Tòa án xem xét chấp nhận nguyện vọng của tôi và các con.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Phan Trọng Minh H: Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Tòa án đã nhiều lần triệu tập, thông báo và tổng đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng để anh thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để anh Phan Trọng Minh H đến tham gia phiên tòa nhưng anh tiếp tục vắng mặt, không có lời khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ gì để Hội đồng xét xử xem xét.

Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan UBND xã ID, huyện CP trình bày: Sau khi nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án nhân dân huyện CP và các biên bản xác minh, UBND xã đã rà soát lại trình tự thủ tục đăng ký kết hôn của chị X và anh H được lưu trữ thì xác định tại UBND xã không lưu trữ bất cứ tài liệu, chứng cứ gì liên quan đến việc đã đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị Lệ X và anh Phan Trọng Minh H. Tại biên bản xác minh và đơn xin vắng mặt tại phiên Tòa, đại diện UBND xã khẳng định chữ ký trong giấy chứng nhận kết hôn cấp cho chị X và

anh H là của ông Trần Văn T và ông Siu P (*Công chức Tư pháp và Phó Chủ tịch UBND xã thời điểm 2007*); con dấu đóng trên giấy chứng nhận kết hôn là con dấu của UBND xã ID tại thời điểm năm 2007. Do UBND xã không lưu trữ các tài liệu có liên quan, hiện ông T và P đã nghỉ việc nên UBND xã đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai như sau:

Về việc tuân theo pháp luật của cơ quan và người tiến hành tố tụng: Đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy có một số vi phạm nhưng không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Về việc chấp hành của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án và cung cấp đầy đủ chứng cứ đảm bảo theo đúng quy định. Tại phiên tòa, nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về quan hệ hôn nhân: Áp dụng Điều 9, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ X. Tuyên xử hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Lệ X với anh Phan Trọng Minh H.

Về con chung: Áp dụng các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị giao cho chị X tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Phan Trọng Minh H1, sinh ngày 15/8/2009; Phan Trọng Hải Đ, sinh ngày 27/07/2014 và Phan Thuỳ Phương U, sinh ngày 13/01/2011. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Lệ X phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Lệ X yêu cầu Tòa án giải quyết “*Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung*” với anh Phan Trọng Minh H. Đây là quan hệ pháp luật được quy định tại khoản 7 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh H là bị đơn trong vụ kiện có nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống thường xuyên tại thôn Lũh Ngó, xã IH, huyện CPh, tỉnh Gia Lai. Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện CP, tỉnh Gia Lai có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Nguyên đơn chị X, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan UBND xã ID có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt theo đúng quy định tại điểm a khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Trọng Minh H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo đúng quy định tại điểm a và b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Xét đơn khởi kiện về việc yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lệ X thấy rằng: Chị Nguyễn Thị Lệ X và anh Phan Trọng Minh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã ID, huyện CS (*Nay là xã ID, huyện CP*), tỉnh Gia Lai vào ngày 18/12/2007. Tuy nhiên, hiện tại UBND xã ID không lưu giữ các tài liệu liên quan đến việc đã tiến hành đăng ký kết hôn cho chị X và anh H. Tại sổ theo dõi việc đăng ký kết hôn không thể hiện UBND xã ID, huyện CS (*Nay là xã ID, huyện CP*), tỉnh Gia Lai đã tiến hành đăng ký kết hôn cho anh H và chị X vào ngày 18/12/2007.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu do chị X cung cấp cho Tòa án như: Sổ hộ khẩu gia đình, căn cước công dân của chị X, biên bản xác minh tại UBND xã ID và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện chị Nguyễn Thị Lệ X sinh ngày 04/5/1991. Vì vậy, tại thời điểm UBND xã ID tiến hành đăng ký kết hôn (*Ngày 18/12/2007*) thì chị X mới 16 tuổi 07 tháng 14 ngày, chưa đủ tuổi kết hôn, thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật, vi phạm Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 (*Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000*). Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, dẫn đến sống ly thân từ năm 2020 đến nay mà không còn quan tâm đến nhau.

Trong quá trình giải quyết vụ án, sau khi xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp nuôi con chung, Tòa án nhân dân huyện Chư Puh đã căn cứ vào Điều 8, Điều 11 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP, ngày 06/01/2016 “*Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình*” đã ban hành thông báo cho các đương sự biết tại thời điểm Tòa án giải quyết việc Hủy kết hôn trái pháp luật thì các bên đã đủ tuổi đăng ký theo quy định của pháp luật, Tòa án đã thông báo để các đương sự biết việc yêu cầu hủy kết hôn của nguyên đơn để bị đơn anh Phan Trọng Minh H thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Tuy nhiên, hết thời hạn được thông báo bị đơn không thực hiện, đồng thời không có ý kiến gì và vắng mặt không lý do. Do đó, Tòa án tiến hành xem xét việc hủy kết hôn trái pháp luật theo yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ. Vì vậy, HĐXX cần hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Lệ X với anh Phan Trọng Minh H theo Giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyền số 02 do UBND xã ID, huyện CS (*Nay là huyện CP*), tỉnh Gia Lai cấp ngày 18/12/2007 theo quy định tại Điều 9 Luật HNGĐ năm 2000, Điều 10, Điều 11 Luật HNGĐ năm 2014 là phù hợp.

[2.2] Về con chung:

Quá trình giải quyết vụ án chị X có nguyện vọng được tiếp tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Phan Trọng Minh H1, sinh ngày 15/8/2009; Phan Trọng Hải Đ, sinh ngày 27/07/2014 và Phan Thuỳ Phương U, sinh ngày 13/01/2011. Chị không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét thấy, hiện tại chị Nguyễn Thị Lệ X đang trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung, kể từ khi chị và anh H sống ly thân (*năm 2020*) đến nay việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung đều do một mình chị đảm nhận mà không có sự chu cấp hay hỗ trợ của anh H nhưng chị vẫn đảm bảo được việc nuôi dưỡng con chung đầy đủ. Hiện tại, chị có công việc và thu nhập ổn định để đảm bảo cuộc sống của con chung. Qua việc ghi nhận nguyện vọng của con chung thấy rằng, các con chung đều có nguyện vọng muốn được sống với chị X. Xét nguyện vọng nuôi con của chị X trên cơ sở xem xét nguyện vọng của con chung, thấy rằng cần tiếp tục giao cho chị X trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung nhằm đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung.

Căn cứ các Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cho chị Nguyễn Thị Lệ X tục trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung là Phan Trọng Minh H1, sinh ngày 15/8/2009; Phan Trọng Hải Đ, sinh ngày 27/07/2014 và Phan Thuỳ Phương U, sinh ngày 13/01/2011. Chị X không yêu cầu anh H phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Đối với việc đăng ký kết hôn do UBND xã ID, huyện CS (*nay là xã ID, huyện CP*), tỉnh Gia Lai thực hiện cho chị Nguyễn Thị Lệ X và anh Phan Trọng Minh H không đúng về độ tuổi đăng ký. Tuy nhiên, tại thời điểm UBND xã thực hiện việc đăng ký kết hôn chị X khai không đúng độ tuổi thực tế của mình để được đăng ký kết hôn. Qua xác minh, hiện tại UBND xã ID không còn lưu trữ các tài liệu có liên quan, các công chức thực hiện việc đăng ký đã nghỉ việc. Do đó, có căn cứ khẳng định Ủy ban nhân dân xã ID, huyện CS (*nay là xã ID, huyện CP*), tỉnh Gia Lai có sai phạm trong việc đăng ký kết hôn cho chị Nguyễn Thị Lệ X và anh Phan Trọng Minh H như không thu thập các tài liệu để chứng minh về độ tuổi thực tế của chị Nguyễn Thị Lệ X khi thực hiện việc đăng ký kết hôn, UBND xã ID đề nghị xử lý theo quy định của pháp luật là phù hợp. Hội đồng xét xử đề nghị UBND xã ID huyện CS (*nay là xã ID, huyện CP*), tỉnh Gia Lai rút kinh nghiệm trong việc đăng ký kết hôn nêu trên, nếu có sai phạm thì xử lý theo quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản và công nợ chung:

Không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chị Nguyễn Thị Lệ X phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 7 Điều 28, Điều 35, Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, Điều 15, Điều 16 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Lệ X.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Hủy kết hôn trái pháp luật giữa chị Nguyễn Thị Lệ X với anh Phan Trọng Minh H theo giấy chứng nhận kết hôn số 18, quyển số 02 ngày 18/12/2007 của Ủy ban nhân dân xã ID, huyện CS (nay là UBND xã ID, huyện CP), tỉnh Gia Lai.

2. *Về việc nuôi con chung:* Giao cho chị Nguyễn Thị Lệ X trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục các con chung là Phan Trọng Minh H1, sinh ngày 15/8/2009; Phan Trọng Hải Đ, sinh ngày 27/07/2014 và Phan Thuỳ Phương U, sinh ngày 13/01/2011. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời hạn trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung của chị X tính từ ngày 09/5/2023 cho đến khi con chung thành niên và tự lập được, hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Anh Phan Trọng Minh H có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở thực hiện quyền này. Vì quyền và lợi ích hợp pháp của con chung, khi cần thiết có thể áp dụng cấp dưỡng nuôi con và thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. *Về án phí:* Chị Nguyễn Thị Lệ X phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001150 ngày 17/10/2022, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chư Pưh, tỉnh Gia Lai. Số tiền này được chuyển thành tiền án phí để sung công quỹ.

4. *Quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền và nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

5. *“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án*

dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Chư Pưh;
- Chi cục THA DS huyện Chư Pưh;
- Các đương sự;
- UBND xã (nơi ĐKKH);
- Lưu HSVA, VT

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(Đã ký)

Đặng Ngọc Trung